

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày 29-7-2025

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Khương**

2. Bà **Danh Mỹ Hạnh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân khu vực 3- An Giang về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng X**

Trụ sở chính: đường L, phường B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn A, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng X. Địa chỉ: phường Q, quận C, thành phố Hà Nội (*Nay là phường C, TP Hà Nội*).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Thanh T, chức vụ: Giám đốc Kinh doanh Bán lẻ, Ngân hàng X (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2025).

Ông T có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng G**, sinh năm 1970

Địa chỉ thường trú: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang (*Nay là ấp A, xã C, tỉnh An Giang*)

Ông G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người được ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng X trình bày:

Ngân hàng X và ông Nguyễn Hoàng G có ký Hợp đồng vay vốn với nội dung như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng tín dụng số LAV230016435/1505 ngày 09/3/2023 tính đến ngày 29/7/2025: Số tiền vay: 400.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh hải sản (Buôn chuyển). Thời hạn vay là 12 tháng theo Khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lịch trả nợ gốc: Trả một lần khi đến hạn khoản vay; Lịch trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 10; Thực hiện hợp đồng: Tính đến ngày 08/03/2024.

Tính đến ngày 09/03/2024, số tiền ông Giang còn nợ là: 461.608.761 đồng (Trong đó gốc: 400.000.000 đồng, số tiền lãi 61.608.761 đồng).

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng trên. Ngân hàng X và ông G đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng 113/2019/EIBKG-TD/TCTS ngày 27/03/2019 và đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 113/2019/EIBKG-ID/TCTS.PL01 ngày 12/01/2021 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Kiên Giang ngày 27/03/2019.

Tài sản bảo đảm của Hợp đồng thế chấp trên là: Quyền sử dụng đất diện tích 321m², Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang đứng tên ông Nguyễn Hoàng G theo Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C (Số vào sổ cấp GCN QSDĐ số CS1) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/02/2019.

- Ngoài ra ông G còn mở 02 thẻ tín dụng tại Ngân hàng cụ thể:

+ Thẻ tín dụng hợp đồng số LAV190025913/1505 ký ngày 28/03/2019 hạn mức thẻ 20.000.000 đồng. Thời hạn vay là 03 năm. Tài sản đảm bảo: Không tài sản đảm bảo. Tính đến ngày 09/03/2024, số tiền ông Nguyễn Hoàng G còn nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng số LAV190025913/1505 là: 17.492.000 đồng (Trong đó gốc: 13.258.488 đồng; Số tiền lãi 4.433.512 đồng).

+ Thẻ tín dụng hợp đồng số LAV210004754/1505 ký ngày 19/01/2022 hạn mức thẻ 20.000.000 đồng. Thời hạn 03 năm. Tài sản đảm bảo: Không tài sản đảm bảo. Tính đến ngày 09/03/2024, số tiền ông Nguyễn Hoàng G còn nợ theo hợp đồng thẻ tín dụng số LAV210004754/1505 là: 20.440.000 đồng (Trong đó gốc: 15.388.482 đồng; Số tiền lãi 5.051.518 đồng).

Kể từ khi khách hàng quá hạn Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Hoàng G thanh toán nợ, tuy nhiên đến nay ông G vẫn chưa thực hiện.

Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng X yêu cầu ông Nguyễn Hoàng G phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/7/2025 là: 709.751.002 đồng (Bao gồm cả khoản nợ liên quan đến thẻ tín dụng của khách hàng). Trong đó: Hợp đồng tín dụng số LAV230016435/1505 ngày 09/3/2023 tính đến ngày 29/7/2025 ông Nguyễn Hoàng G còn nợ Ngân hàng X gốc và lãi là: 583.512.529 đồng; Hợp đồng số LAV190025913/1505 ký ngày 28/03/2019 (thẻ tín dụng) tính đến ngày 29/7/2025 ông Nguyễn Hoàng G còn nợ Ngân hàng là: 55.435.502 đồng. Hợp đồng số LA V210004754/1505 ký ngày 19/01/2021 (thẻ tín dụng) tính đến ngày 29/7/2025 ông Nguyễn Hoàng G còn nợ Ngân hàng là: 70.802.970 đồng (Bảy mươi triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, chín trăm bảy mươi đồng). Đồng thời phải trả phí và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/7/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế cho đến khi ông G thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông G không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- *Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Hoàng G trình bày:*

Vào năm 2023, ông có vay của Ngân hàng X theo hợp đồng tín dụng số LAV230016435-1505 ngày 09/3/2023 với số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh hải sản. Thời hạn vay: 12 tháng. Tài sản bảo đảm của quyền sử dụng đất diện tích 321m², thửa đất số 2, TBĐ số 3, tọa lạc ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang đứng tên ông Nguyễn Hoàng G theo GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/02/2019. Vay Thẻ tín dụng hợp đồng số LAV190025913/1505 ký ngày 28/03/2019 hạn mức thẻ 20.000.000 đồng; thẻ tín dụng hợp đồng số LAV210004754/1505 ký ngày 19/01/2022 hạn mức thẻ 20.000.000 đồng.

Nay ông thừa nhận còn nợ Ngân hàng X số tiền gốc và lãi đúng như Ngân hàng khởi kiện và kể cả các khoản phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên hiện tại do hoàn cảnh kinh tế khó khăn ông không còn khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng nên không thể đưa ra phương án trả nợ. Ông đồng ý để Toà án xử theo quy định của pháp luật, ông không khiếu nại gì về sau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đề nghị Tòa án khắc phục.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227 BLTTDS; Điều 351, 357, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH,

Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, Buộc ông G phải trả cho Ngân hàng X số tiền nợ gốc, lãi (Bao gồm cả khoản nợ liên quan đến thẻ tín dụng của khách hàng) với tổng số tiền là: 709.751.002 đồng (Bảy trăm lẻ chín triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, không trăm lẻ hai đồng), Trong đó: Tiền gốc là: 428.646.970 đồng; Tiền lãi là: 280.704.032 đồng; Tiền phí khác là: 400.000 đồng).

Trường hợp ông G trả hết nợ thì Ngân hàng X phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ giấy tờ đã thế chấp để bảo đảm khoản vay của ông Giang. Buộc ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật với số tiền là: 32.390.040 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn, không trăm bốn mươi đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 21/03/2024 Ngân hàng X có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng G có trách nhiệm trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, đồng thời ông G có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã M, huyện C, Kiên Giang (nay là ấp A, xã C, tỉnh An Giang). Đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Giang là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Ông Nguyễn Hoàng G có vay số tiền 400.000.000 đồng tại Ngân hàng X theo Hợp đồng tín dụng số LAV230016435/1505 ngày 09 tháng 03 năm 2023; đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức 20.000.000 đồng ngày 19/01/2022 và đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế với hạn mức 20.000.000 đồng ngày 28/3/2019. Trong thời gian vay ông G không thực hiện việc trả tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng đúng như thỏa thuận, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, do đó Ngân hàng yêu cầu ông G phải có nghĩa vụ trả số nợ trên, cùng tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 30/7/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Xét Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Hoàng G được lập thành văn bản và ký kết với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 16/01/2025 thì ông Nguyễn Hoàng G thừa nhận có vay của Ngân hàng X số tiền vay gốc theo Hợp đồng tín dụng là 400.000.000 đồng, Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế hạn mức 20.000.000 đồng và Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế hạn mức 20.000.000 đồng; tuy nhiên, trong quá trình vay vốn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn ông không còn khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng nên không thể đưa ra phương án trả nợ. Ông đồng ý để Tòa án xử theo quy định của pháp luật, ông không khiếu nại gì về sau.

Xét Hợp đồng tín dụng số LAV230016435/1505 ngày 09 tháng 03 năm 2023, Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 28/03/2019 và ngày 19/01/2021 giữa các bên được lập thành văn bản và ký kết với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 463 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng kinh doanh tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X buộc ông Nguyễn Hoàng G trả tổng số tiền vay gốc và lãi là: 709.751.002 đồng (Bao gồm cả khoản nợ liên quan đến thẻ tín dụng của khách hàng) là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa Ngân hàng và ông G có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 113/2019/EIBKG-TD/TCTS ngày 27/03/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 113/2019/EIBKG-ID/TCTS.PL01 ngày 12/01/2021, các hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật và được tiến hành đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền, nên có hiệu lực. Vì vậy, trường hợp nếu bị đơn không trả được nợ vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng G phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X tổng số tiền tính đến ngày 29/7/2025 là: 709.751.002 đồng (Bao gồm cả khoản nợ liên quan đến thẻ tín dụng của khách hàng). Trong đó: Nợ hợp đồng tín dụng gốc và lãi là: 583.512.529 đồng; Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 28/03/2019 là: 55.435.502 đồng; Hợp đồng thẻ tín dụng ngày ngày 19/01/2021 là: 70.802.970 đồng; cùng tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 30/7/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, các Hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét. Đối với việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án sẽ khắc phục trong thời gian tới.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng G phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 32.390.040 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm chín mươi ngàn không trăm bốn mươi đồng).

Ngân hàng X không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007602 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn ông Nguyễn Hoàng G.

Buộc bị đơn ông G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là 709.751.002 đồng (Bảy trăm lẻ chín triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn không trăm lẻ hai đồng). Trong đó, đối với Hợp đồng tín dụng tổng số tiền gốc và lãi là 583.512.529 đồng; Thẻ tín dụng theo hợp đồng ngày 28/03/2019 số nợ gốc và lãi là 55.435.502 đồng; Thẻ tín dụng hợp đồng ngày 19/01/2022 số nợ gốc và lãi là 70.802.970 đồng, phí thẻ là 400.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/7/2025 theo Hợp đồng tín dụng, các Hợp đồng thẻ tín dụng trên cho đến khi tất toán xong số nợ vay cho Ngân hàng.

2. Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Hoàng G không trả nợ hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng X thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 113/2019/EIBKG-TD/TCTS ngày 27/03/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 113/2019/EIBKG-ID/TCTS.PL01 ngày 12/01/2021, được ký kết giữa ông Nguyễn Hoàng G với Ngân hàng X.

Trường hợp ông Nguyễn Hoàng G đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận QSD đất số: C (Số vào sổ cấp GCN QSDĐ số CS1) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/02/2019 do ông Nguyễn Hoàng G đứng tên.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng G phải nộp số tiền án phí là 32.390.040 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm chín mươi ngàn không trăm bốn mươi đồng). Ngân hàng X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0007602 ngày 26/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Ánh Tuyết